

Bản án số: 06/2020/HS-CTN-PT  
Ngày 15 - 6- 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dương Liêm.

*Các Thẩm phán:* Ông Lâm Văn Be;

Ông Nguyễn Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Song Tố Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Lang - Kiểm sát viên.

Từ ngày 09 đến ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2019/TLPT-HS-CTN ngày 19 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Đình T do có kháng cáo của bị cáo Trần Đình T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2019/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Trần Đình T (T)**, sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú hiện nay: số 239, đường H, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Ngô Thị T, sinh năm 1946; có vợ Nguyễn Thị Lệ T và 02 con, con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 14-6-2019, tạm giam ngày 20-6-2019 cho đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*\* Người bào chữa cho bị cáo:*

- Ông Nguyễn Xuân H, Luật sư Văn phòng luật sư Hưng Thịnh Phát thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

*\* Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T (đã chết);
2. Chị Nguyễn Ngọc T1 (đã chết);
3. Anh Trần Ngọc H (đã chết);
4. Cháu Trần Ngọc Hải M (đã chết);
5. Ông Nguyễn Văn D (đã chết);
6. Chị Huỳnh Thị Tuyết K, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh;
7. Chị Trần Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: E 349/52, khu 6, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh;

*- Người đại diện theo pháp luật của bị hại bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Ngọc T1 gồm các ông, bà:*

1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
3. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
4. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
5. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
6. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T, ông P, ông N và ông T là ông Nguyễn Tấn P sinh năm 1967, ngụ: tổ 2, ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2020), có mặt.

*- Người đại diện theo pháp luật của bị hại anh Trần Ngọc H:*

1. Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1978; địa chỉ: số 78/26, đường L, khu phố 9, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Chị Phạm Thị Kim P, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.
3. Anh Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.
4. Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

5. Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

6. Anh Phạm Tấn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P, anh T, chị D, anh Đ và anh Đ là chị Phạm Thị Mỹ L sinh năm 1978; địa chỉ: số 78/26, đường L, khu phố 9, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 6 năm 2019), có mặt

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Ngọc Hải M:*

1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

6. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T, ông P, ông N và ông T là ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1967, ngụ: tổ 2, ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2020),

7. Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 78/26, đường L, khu phố 9, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

8. Anh Phạm Thị Kim P, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

9. Anh Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

10. Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

11. Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

12. Anh Phạm Tấn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của chị P, anh T, chị D, anh Đ và anh Đ là chị Phạm Thị Mỹ L là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 6 năm 2019).

*- Người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Văn D:*

1. Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M, anh T, anh S và anh L là anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 6 năm 2019), vắng mặt.

*\* Bị đơn dân sự:* Công ty TNHH MTV Vận tải C; địa chỉ: số 849, Quốc lộ 1A, khu phố Z, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh - *Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Vận tải C:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 - Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải C, vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty TNHH thương mại tiếp vận H; địa chỉ: Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - *Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại tiếp vận H* là ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1979, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại tiếp vận H;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc B:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2019), vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1957; địa chỉ: C4/24, ấp 3, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim A* là ông Phạm Văn Y, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 9 năm 2019), vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú hiện nay: số 239, đường H, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 06 giờ 15 phút ngày 14-6-2019, bị cáo Trần Đình T điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 51C-947.80 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 51R-323.49 lưu thông trên Quốc lộ 22 hướng từ huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về huyện B, tỉnh Tây Ninh với tốc độ khoảng 50km/h, trên xe có chở khoảng 30 tấn hàng hóa. Khi đến khu vực cổng chào tỉnh Tây Ninh thuộc ấp S, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh thì bị cáo ngủ gật, không làm chủ được tay lái nên điều khiển xe sang phần đường bên trái và va chạm vào phía sau thùng xe ô tô tải biển số 61C-312.51 do anh Trần Thế A điều khiển, làm vỡ kính chiếu hậu của xe bị cáo. Sau khi va chạm với xe ô tô tải, bị cáo giật mình, thắng gấp làm xe mất thăng bằng, tiếp tục lao hẳn sang phần đường bên trái, đâm thẳng vào bên trái hông xe ô tô (loại 4 chỗ) biển số 51F-370.00 làm cho những người trên xe gồm ông Nguyễn Văn D (tài xế), bà Nguyễn Thị T, anh Trần Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T1 và cháu Trần Ngọc Hải M tử vong. Tai nạn đã làm hư hỏng hoàn toàn xe ô tô biển số 51F-370.00 và 01 trụ điện số 90/3/3, loại trụ đôi, tuyến 476TB.

Tại Kết luận giám định số 2969/C09B, ngày 18-6-2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện:

+ Bánh xe bên trái trục 1 xe ô tô biển số 51C-947.80 bị hư hỏng nổ sau khi va chạm với xe ô tô biển số 51F-370.00. Các dấu vết hư hỏng rách thủng hình thành do xung lực va đập với xe ô tô biển số 51F-370.00.

+ Bánh xe bên phải trục 1 xe ô tô biển số 51C-947.80 bị hư hỏng nổ sau khi va chạm với xe ô tô biển số 51F-370.00. Các dấu vết hư hỏng rách thủng cong vênh hình thành do xung lực va đập với xe ô tô biển số 51F-370.00.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 89/2019/TT ngày 28-8-2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Trần Ngọc H bị chấn thương ngực kín dập phổi và chấn thương bụng kín vỡ gan xuất huyết trong ổ bụng do tai nạn giao thông dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 90/2019/TT ngày 28-8-2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Nguyễn Ngọc T1 bị chấn thương sọ não, chấn thương ngực, chấn thương bụng do tai nạn giao thông dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 91/2019/TT ngày 28-8-2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Trần Ngọc H M bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 92/2019/TT ngày 28-8-2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Nguyễn Văn D bị chấn thương ngực kín

giập nát phổi và chấn thương bụng kín vỡ gan xuất huyết trong ổ bụng do tai nạn giao thông dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 93/2019/TT ngày 28-8-2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Nguyễn Thị T bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/KLĐG ngày 03-9-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận:

+ Xe ô tô Biển số 51F-370.00, nhãn hiệu FORD, màu sơn đen, số khung: RL04DFDMMR7Y-00799, số máy: QQDD7Y-00799 bị thiệt hại là 200.000.000 đồng.

+ Trục điện số 90/3/3, loại trục đôi, tuyến 476TB bị thiệt hại là 111.856.059 đồng.

\* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Nguyễn Văn D số tiền 150.000.000 đồng, bồi thường chi phí sửa chữa, lắp đặt trục điện mới cho chị Huỳnh Thị Tuyết K 111.856.059 đồng, bồi thường cho gia đình bà T, chị T1, anh H, cháu M số tiền 400.000.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B số tiền 200.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại 01 xe mô tô biển số 51F1-370.00.

\* *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2019/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:*

*Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:*

*Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T (T) 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14-6-2019.*

*Cấm bị cáo Trần Đình T hành nghề tài xế trong thời hạn 05 (Năm) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.*

## *2. Về biện pháp tư pháp:*

*\* Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 591 Bộ luật Dân sự:*

*- Ghi nhận bị cáo Trần Đình T đã bồi thường số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng cho anh Nguyễn Minh T (là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn D), hiện anh Tg không yêu cầu bồi thường gì thêm.*

*- Ghi nhận bị cáo Trần Đình T đã bồi thường chi phí sửa chữa, lắp đặt trục điện mới với số tiền 111.856.059 (Một trăm mười một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn không trăm năm mươi chín) đồng, cho chị Huỳnh Thị Tuyết K xong, chị K không yêu cầu bồi thường gì thêm.*

- Ghi nhận chị Trần Thị H (là chủ sở hữu) xe ô tô tải biển số 61C-312.51 không yêu cầu bồi thường.

- Ghi nhận chị Nguyễn Thị Lệ T (vợ bị cáo) đã bồi thường số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng cho anh Nguyễn Hoàng T (là người đại diện hợp pháp của bị hại) về tiền mai táng phí và xây mồ mã bà Nguyễn Thị T, anh Trần Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T1 và cháu Trần Ngọc Hải M.

- Ghi nhận chị Nguyễn Thị Lệ T (vợ bị cáo) bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng T (là người đại diện hợp pháp của bị hại) 01 xe ô tô biển số 51F-370.00 số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; số tiền Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đang quản lý.

- Buộc Công ty TNHH MTV Vận tải C có trách nhiệm bồi thường 6.900.000 (Sáu triệu chín trăm nghìn) đồng tiền thiệt hại 01 điện thoại di động hiệu HuaWei, model Nova 3I, màu tím số Imei 862966041988345 của Nguyễn Ngọc T1 cho người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Hoàng T.

- Buộc Công ty TNHH MTV Vận tải C có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần của người bị hại Nguyễn Thị T cho người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Hoàng T 149.000.000 (Một trăm bốn mươi chín triệu) đồng.

- Buộc Công ty TNHH MTV Vận tải C có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần của người bị hại Trần Ngọc H cho bà Trần Thị Kim A 44.700.000 (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 11 năm 2019, bị cáo Trần Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút một phần kháng cáo đối với kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn con hai đứa còn nhỏ, mẹ già không người chăm sóc, bị cáo đã có thời gian tham gia quân ngũ đã chấp hành tốt các chính sách của nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Mức án mà Tòa án sơ thẩm tuyên phạt cho bị cáo là quá nặng vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nguyên nhân xảy ra tai nạn một phần do tình tiết bất ngờ (lốp xe bên phải của

trục bánh trước bị nổ) làm mất thăng bằng không giữ được tay lái nên gây tai nạn. Kết luận giám định cho rằng nổ lốp bên phải của trục bánh trước khi va chạm với xe ô tô biển số 51F-370.00 là không đúng với hiện trường xảy ra tai nạn được ghi nhận qua camera và lời khai nhân chứng là lốp bên phải của trục bánh trước trước khi xe của bị cáo đâm vào xe ô tô biển số 51F-370.00, nên đề nghị hủy án sơ thẩm nếu tại tòa phúc thẩm có căn cứ đánh giá là nguyên nhân nổ lốp trước khi xảy ra tai nạn là yếu tố bất ngờ thì đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:* Về tố tụng, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Về nội dung không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Bị cáo nói lời nói sau cùng:* Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ, do tình thế bất ngờ nên không xử lý kịp thời gây ra tai nạn.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 11 năm 2019, bị cáo Trần Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút một phần kháng cáo, không kháng cáo phần bồi thường thiệt hại, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ xem xét kháng cáo của bị cáo về quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm, không xem xét các phần khác của bản án.

[2] *Xét kháng cáo của bị cáo Trần Đình T, thấy rằng:* Vào khoảng 06 giờ 15 phút ngày 14-6-2019, bị cáo Trần Đình T điều khiển xe ô tô biển số 51C-947.80 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 51R-323.49 trên xe có chở 29,5 tấn hàng từ Cảng L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh về cửa khẩu M, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Khi đến cổng chào thuộc địa phận ấp S, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh, bị cáo ngủ gật, điều khiển xe lấn qua phần đường ngược chiều bên trái 2m dẫn đến va chạm phía sau thùng xe ô tô tải biển số 61C-312.51 và đâm thẳng vào xe ô tô 4 chỗ biển số 51F-370.00. Hậu quả làm 05 người trên xe ô tô 4 chỗ biển số 51F-370.00 chết tại chỗ

(anh Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, anh Trần Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T1 và cháu Trần Ngọc Hải M); làm hư hỏng toàn bộ xe ô tô biển số 51F-370.00 và 01 trụ điện số 90/3/3, loại trụ đôi, tuyến 476TB. Tổng tài sản thiệt hại trị giá 311.856.059 đồng.

Nguyên nhân gây ra tai nạn là do bị cáo T lái xe ô tô liên tục quá 4 giờ trong đêm (từ Cảng L, Quận Y, TP HCM đến huyện B, tỉnh Tây Ninh), bị cáo không có thời gian nghỉ ngơi nên bị mệt mỏi, ngủ gật gây tai nạn là vi phạm Điều 65 của Luật Giao thông đường bộ năm 2018 quy định về thời gian làm việc của người lái xe ô tô. Bên cạnh đó, Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ năm 2018 quy định: *“Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”*. Hiện trường cho thấy, bị cáo T đã không đi đúng chiều đi của mình, lấn sang chiều đi của xe ngược chiều 02m là vi phạm quy tắc an toàn khi tham gia giao thông. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Luật sư bào chữa cho rằng lỗi không hoàn toàn do bị cáo gây ra mà một phần do sự kiện bất ngờ không thể xử lý kịp thời vì bánh xe bên phải của trực trước bị nổ lốp nên mất thăng bằng không thể đánh lái về bên phải nên mới ra gây ra tai nạn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Thấy rằng, qua xem xét lời khai nhân chứng nghe 02 tiếng nổ lớn cách nhau ít phút; camera an ninh cho thấy có lốp bụi cát bay lên phía bên phải khi xe của bị cáo lấn sang trái trước đâm vào xe ô tô 4 chỗ biển số 51F-370.00; lời khai của bị cáo T xác định có thắng gấp sau khi nghe va chạm với ô tô tải biển số 61C-312.51 và có nghe tiếng nổ lốp bên phải, có căn cứ xác định khi xe của bị cáo va chạm với xe ô tô tải biển số 61C-312.51 thì bị cáo tỉnh ngủ và thắng gấp khi trên xe có chở 29,5 tấn hàng và đang điều khiển xe với tốc độ 50km/h đã làm cho bánh xe bên phải, phía trước đang chuyển hướng qua trái ma sát mạnh với mặt đường làm cháy lốp nên bị nổ trước khi đâm vào xe ô tô 4 chỗ gây tai nạn. Như vậy, nguyên nhân gây tai nạn là do bị cáo ngủ gật, điều khiển xe lấn sang đường ngược chiều 2m, thắng gấp làm nổ lốp mất thăng bằng không xử lý kịp thời dẫn đến tai nạn. Do vậy không có căn cứ cho rằng lỗi một phần là do sự kiện bất ngờ nên gây ra tai nạn.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hậu quả mà bị cáo gây ra đã làm chết cùng một lúc 05 người, trong đó có 04 người cùng gia đình, tài sản bị thiệt hại đến 311.856.059 đồng; lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo vì quá tự tin vào khả năng, sức khỏe của mình, bị cáo lái xe vượt quá 04 giờ liên tục trong đêm, không nghỉ ngơi dẫn đến việc không đảm bảo sức khỏe khi lái xe, bị ngủ gật, không làm chủ được tay lái, điều khiển xe lấn sang lề trái, không bảo đảm an toàn gây tai nạn.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ và gây hậu quả chết nhiều người, gây thiệt hại tài sản có giá trị lớn. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn D có đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Đình T 14 (mười bốn) năm tù và áp dụng hình phạt cấm hành nghề tài xế đối với bị cáo T trong thời gian 05 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù là phù hợp, không nặng; các lý do mà bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo đưa ra đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của bị cáo Trần Đình T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T (T) 14 (mười bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14-6-2019.

Cấm bị cáo Trần Đình T hành nghề tài xế trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Đình T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND TX B;
- Chi cục THADS TX B;
- Công an TX B;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Dương Liêm**